

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 80/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 19-9-2018

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

NHÂN DANH

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THÀNH, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Xuân Thường

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Phượng

2. Ông Nguyễn Bá Thịnh

- **Thư ký phiên toà:** Bà Phan Thu Hiền –Thư ký Tòa án

Ngày 19 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử công khai vụ án thụ lý số: 127/2018/TLST-HNGĐ ngày 03/4/2018 về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2018/QĐXX-ST ngày 20/8/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 58/2018/QĐST – HNGĐ ngày 04/9/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm: 1993

Địa chỉ: Ấp 3, xã X, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt).

Bi đơn: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp 3, xã X, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày: Bà và ông Nguyễn Minh T qua một thời gian tìm hiểu thì đi đến hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Tân Thành (nay là thị xã Phú Mỹ), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào ngày 05/8/2013.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không tìm được hạnh phúc khi chung sống. Ông T có nhiều mối quan hệ bạn bè bên ngoài không quan tâm đến vợ con. Từ đầu năm 2016 bà và ông T đã sống ly thân, không ai quan tâm đến nhau.

Nay bà nhận thấy không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn.

Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung là cháu Nguyễn Lê Ngọc A, sinh ngày 15/3/2014. Bà có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu A đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn ông Nguyễn Minh T theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên ông T không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi văn bản thể hiện quan điểm của mình về tranh chấp với bà Lê Thị T. Vì vậy Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng để xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về tố tụng: Bà Lê Thị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Minh T, được nuôi dưỡng con chung nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình “Tranh chấp về ly hôn, con chung”.

Bị đơn ông Nguyễn Minh T có địa chỉ tại huyện Tân Thành (nay là thị xã Phú Mỹ), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành.

Ông T đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 để tham dự phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông T theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp đã có đủ cơ sở để xác định: Bà Lê Thị T và ông Nguyễn Minh T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn vào ngày 05/8/2013 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Tân Thành (nay là thị xã Phú Mỹ), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, nên quan hệ hôn nhân giữa các bên là hợp pháp.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã, ông T không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng đã tự nguyện ly thân từ năm 2016 đến nay. Từ khi ly thân ông T không có động thái nào để hàn gắn tính cảm vợ chồng với bà T, Tòa án mở nhiều phiên hòa giải để hướng vợ chồng đoàn tụ gia đình nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông T.

Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà T, ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà T đối với ông T.

Về con chung: Bà T và ông T có 01 con chung là cháu Nguyễn Lê Ngọc A, sinh ngày 15/3/2014. Bà T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu A đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi cháu A trưởng thành (đủ 18 tuổi). Xét thấy từ khi bà T và ông T sống ly thân ông T không đến thăm con, không cấp dưỡng nuôi con, không thể hiện trách nhiệm của một người cha đối với con. Mặt khác cháu A từ trước đến nay được bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc tốt, cháu đang phát triển khỏe mạnh cả về thể chất và tinh thần. Do đó để bảo đảm sự ổn định nơi sinh sống, học tập và sự phát triển bình thường cả về thể chất và tinh thần cho cháu A cần giao cháu A cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà T thì thấy: Bà T hiện nay đang làm công nhân với mức thu nhập bình quân là 5.000.000 đồng/tháng, với mức thu nhập trên không đủ để bà T trang trải việc ăn học của cháu A. Quá trình tố tụng ông T không cung cấp chứng cứ để chứng minh thu nhập của mình, tuy nhiên với trách nhiệm của người làm cha ông phải có trách nhiệm cấp dưỡng cho cháu A để bảo đảm nhu cầu sinh hoạt và học tập của cháu, mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng bà T yêu cầu cũng phù hợp với tình hình giá cả sinh hoạt hiện nay. Vì vậy xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của bà T, buộc ông T cấp dưỡng cho cháu A 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu A trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Tòa án không xem xét.

Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Bà Lê Thị T tự nguyện nộp án phí hôn nhân gia đình là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” của bà Lê Thị T đối với ông Nguyễn Minh T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Minh T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lê Ngọc A, sinh ngày 15/3/2014 cho bà Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Buộc ông Nguyễn Minh T cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Lê Ngọc A, sinh ngày 15/3/2014 số tiền 2.000.000đ/tháng (Hai triệu đồng), thời điểm cấp dưỡng được tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu A trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Các bên được quyền đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết có thể

thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con hoặc có sự thay đổi khác.

Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết

2. Về án phí: Bà Lê Thị T nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000969 ngày 03/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Thành (nay là Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà Lê Thị T đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Minh T nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự về việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. (Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Thành;
- Chi cục THADS TX Phú Mỹ;
- UBND xã X;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Bùi Xuân Thường